TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH GL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 24/6/2021
"*V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị G
2. Bà Nay H'C
- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị H, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (được viết tắt là: Công ty TNHH MTV) Cao Su Ch S; Địa chỉ: 420 Hùng Vương, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Duy M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cáp Phi H – Nhân viên Phòng TT-BC-QS của Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê (Theo Quyết định ủy quyền số 450/QĐ-CSCS ngày 26/10/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Công B; trú tại: Thôn Mỹ Thạch 3, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cáp Phi H trình bày:

Theo hợp đồng số 47/HĐKT ngày 04/5/2015 về việc mua bán phân hữu cơ vi sinh, bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Công B có thỏa thuận, ký kết với Xí nghiệp Kinh doanh Tổng hợp - trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Ch S (sau đây gọi tắt là Công ty). Theo đó, ông B bà Q sẽ mua của Công ty khoảng 80 tấn phân hữu cơ vi sinh (HCVS), cụ thể như sau: phân hữu cơ vi sinh hàm lượng 5:3:5 là 30 tấn; phân hữu cơ vi sinh hàm lượng 4:2:3 là

10 tấn; phân hữu cơ vi sinh hàm lượng 3:1:8 là 10 tấn; phân hữu cơ vi sinh hàm lượng 0,3:3:0,3 là 20 tấn; phân hữu cơ vi sinh hàm lượng 0,3:1:0,3 là 10 tấn.

Giá tiền từng loại phân tính theo từng thời điểm mà ông B và bà Q đăng ký mua hàng, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời điểm trả tiền là thời điểm mà ông B và bà Q đăng ký trả đối với từng lô hàng cụ thể. Trong trường hợp ông B bà Q thanh toán không đầy đủ số tiền mua phân thì phải chịu lãi xuất 2%/tháng. Hai bên thống nhất chọn Tòa án nhân dân huyện Ch S giải quyết nếu có phát sinh tranh chấp.

Sau khi ký kết hợp đồng trên, theo biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ phân hữu cơ vi sinh năm 2015 và biên bản đối chiếu khối lượng phân hữu cơ vi sinh giao nhận ngày 30/6/2015 thể hiện Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S đã giao cho bà Q 41,5 tấn phân, cụ thể:

Phân hữu cơ vi sinh loại 535: 33 tấn × 5.520.000đ/tấn = 182.160.000 đồng

Phân hữu cơ vi sinh loại 0.3-1-0.3: 1,5 tấn × 3.120.000đ/tấn = 4.680.000 đồng

Phân hữu cơ vi sinh loại 0.3-3-0.3: 7 tấn × 3.440.000đ/tấn = 24.080.000 đồng.

Tổng giá tiền là 210.920.000 đồng

Bà Q và ông B đã nhận đủ số lượng phân bón trên thể hiện qua việc bà Q đã ký nhận đủ phân bón và cam kết trả toàn bộ số tiền 210.920.000 trước ngày 31/5/2016.

Phía công ty đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông bà trả tiền phân bón gồm gốc và lãi phát sinh nhưng ông bà cố tình trốn tránh và không trả nợ cho Công ty.

Nay, Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch S giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Công B thanh toán cho Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S số tiền phân bón là 210.920.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi phát sinh.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông B và bà Q đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông B và bà Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện nay không có mặt tại nơi cư trú, không xác định được thời điểm trở về. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B và bà Q tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa là đúng và đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là ông B và bà Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 210.920.000 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn ông B và bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:Ngày 15/12/2020,nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S nộp đơn khởi kiện tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Mỹ Thạch 3, thị trấn Chư Sê, huyện Ch S, tỉnh G L. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn. Theo hợp đồng được ký kết giữa các bên vào ngày 04/5/2015 và qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương cho biết ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Mỹ Thạch 3, thị trấn chư S, huyện Ch S, tỉnh G L. Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ cụ thể và đúng địa chỉ của người bị kiện theo đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông B và bà Q, nhưng ông B và bà Q đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông B và bà Q thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú; không thông báo địa chỉ mới cho Công ty, cho Tòa án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Công ty.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ để ông B và bà Q đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B và bà Q tiếp tục vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; ông B và bà Q không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Phía bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án sẽ căn cứ vào chứng cứ thu thập được giải quyết theo luật định.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S và ông Nguyễn Công B, bà Nguyễn Thị Như Q cùng ký kết Hợp đồng số 47/HĐKT ngày 04/5/2015 về việc mua bán phân hữu cơ vi sinh là có thật; việc ký kết hợp đồng có sự tham gia của bà Nguyễn Thị Như Q và ông Nguyễn Công B. Xét các bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó Hợp đồng số 47/HĐKT ngày 04/5/2015 về việc mua bán phân hữu cơ vi sinh có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập.

4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q trả cho nguyên đơn số tiền là 210.920.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng mua bán phân bón, Biên bản về việc xác nhận nợ và cam kết trả nợ năm 2015 và Biên bản đối chiếu khối lượng phân hữu cơ vi sinh giao nhận ngày 30/6/2015, nguyên đơn đã cung cấp cho bị đơn các loại phân bón cụ thể như sau: Phân hữu cơ vi sinh loại 535: 33 tấn × 5.520.000đ/tấn = 182.160.000 đồng; Phân hữu cơ vi sinh loại 0.3-1-0.3: 1,5 tấn × 3.120.000đ/tấn = 4.680.000 đồng; Phân hữu cơ vi sinh loại 0.3-3-0.3: 7 tấn × 3.440.000đ/tấn = 24.080.000 đồng. Tổng tiền phân bón đã giao là 210.920.000 đồng. Bị đơn đã nhận đủ số lượng phân bón trên thể hiện qua việc bà Quỳnh đã ký nhận đủ phân bón và cam kết trả toàn bộ số tiền 210.920.000 đồng trước ngày 31/5/2016.

Khi đến hạn, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, làm việc để yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn trốn tránh, không thanh toán nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn tiền phân bón hữu cơ vi sinh còn nợ là 210.920.000 đồng là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không phản đối các yêu cầu này của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xác định phía bị đơn có nợ nguyên đơn tiền phân bón hữu cơ vi sinh là 210.920.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Cao Su Chư Sê số tiền 210.920.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Buộc bị đơn là ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 91, Điều 92, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 275, 278, 280, 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S và xử:

1. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S số tiền 210.920.000đ (hai trăm mười triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.546.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Cao Su Ch S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.273.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011151 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh G L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình H